

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:15/2025/DSST

Ngày:23/6/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thanh

2. Ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Bà Niê Đoàn Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2024/TLST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST- DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N1 (A); Địa chỉ: Số B L, phường T, Q. B, tp ..

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Công N. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N2, Chi nhánh Đ.

Người được ông Phan Công N ủy quyền lại: Ông Bùi Đình T. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N2, Chi nhánh Đ – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số A L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Ông Phạm Quốc T1, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng N1 và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền trong quá trình giải quyết vụ án thì:

Căn cứ hợp đồng cấp tín dụng số 5301-LAV-202100679 ký kết ngày 11/05/2021 và Giấy nhận nợ ngày 05/4/2022, Ngân hàng N1 cho ông Phạm Quốc T1 và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 150.000.000 đồng; lãi suất cho vay tại thời điểm vay vốn là 11%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh và tiêu dùng hộ gia đình, thời hạn của hạn mức 36 tháng, hạn nợ kỳ 01 ngày 05/04/2023 trả gốc 140.000.000đ, hạn nợ kỳ 02 ngày 05/05/2023 trả gốc 10.000.000đ, định kỳ trả lãi là 06 tháng một lần. Hạn trả cuối cùng ngày 05/05/2023.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên theo là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 23, tờ bản đồ số 42, diện tích: 6325m² địa chỉ thửa đất: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chứng nhận quyền sử dụng đất số X 782368 do UBND huyện Đ cấp ngày 22/12/2003 cấp cho hộ ông Phạm Quốc T1 tại Bản cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản ngày 11/5/2021.

Khi đến hạn trả nợ, Ngân hàng A đã nhiều lần làm việc trực tiếp hoặc có văn bản yêu cầu ông T1, bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, tính đến nay ông T1, bà L mới thanh toán 16.219.725 đồng tiền lãi trong hạn, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi còn lại cho Ngân hàng. Do đó Ngân hàng N1 khởi kiện yêu cầu ông Phạm Quốc T1 và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 205.204.933 đồng, trong đó có 150.000.000 đồng tiền gốc, 415.891 đồng tiền lãi trong hạn, 54.789.041 đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản thế chấp.

Đối với bị đơn ông Phạm Quốc T1 và bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn ông Phạm Quốc T1 và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N1 số tiền 205.204.933 đồng, trong đó có 150.000.000 đồng tiền gốc, 415.891 đồng tiền lãi trong hạn, 54.789.041 đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong nợ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng N1 khởi kiện yêu cầu ông Phạm Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Liên thanh T2 khoản vay tín dụng, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã triệu tập hợp lệ đối với ông Phạm Quốc T1, bà Nguyễn Thị L nhưng ông T1, bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-202100679 ký kết ngày 11/05/2021; Giấy nhận nợ ngày 05/4/2022 giữa Ngân hàng N1 và ông Phạm Quốc T1 và bà Nguyễn Thị L, số tiền vay gốc số tiền 150.000.000 đồng; lãi suất cho vay là 11%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh và tiêu dùng hộ gia đình, thời hạn của hạn mức 36 tháng, hạn nợ kỳ 01 ngày 05/04/2023 trả gốc 140.000.000đ, hạn nợ kỳ 02 ngày 05/05/2023 trả gốc 10.000.000đ, định kỳ trả lãi là 06 tháng một lần. Hạn trả cuối cùng ngày 05/05/2023. Ông T1, bà L đã được giải ngân đầy đủ.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Quốc T1 và bà Nguyễn Thị L nhưng ông bà không tham gia tố tụng, không có ý kiến cũng như cung cấp các chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Điều 91 BLTTDS quy định:

...

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Như vậy căn cứ chứng cứ nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ về phạm vi hoạt động, quy định lãi suất theo Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng, có ký xác nhận thể hiện sự tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3]. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Sau khi vay, ông T1 và bà L chỉ thanh toán thanh toán 16.219.725 đồng tiền lãi trong hạn, không thanh toán tiền gốc và lãi còn lại khi đến kỳ trả nợ. Xét thấy ông T1 và bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp của Ngân hàng N1. Do đó, Ngân hàng N1 khởi kiện yêu cầu ông bà thanh toán nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng N1 đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản thế chấp, do đó, căn cứ Điều 217 BLTTDS cần đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp.

[2.5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản thế chấp và Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu này, do đó, căn cứ Điều 157 BLTTDS nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp.

[2.6]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[2.7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 217, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 317, Điều 318, Điều 319 BLDS 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn ông Phạm Quốc T1 và bà Nguyễn Thị L.

2. Buộc ông Phạm Quốc T1 và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N1 số tiền 205.204.933 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu hai trăm lẻ bốn nghìn chín trăm ba mươi ba đồng), trong đó có 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc, 415.891 đồng (Bốn trăm mười lăm nghìn tám trăm chín mươi một đồng) tiền

lãi trong hạn, 54.789.041 đồng (Năm mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi chín không trăm bốn mươi một đồng) tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/6/2025.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24/6/2025) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1 về việc xử lý tài sản thế chấp do rút yêu cầu khởi kiện.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng N1, Chi nhánh Đ1 phải chịu 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) đã chi phí trong quá trình giải quyết vụ án.

5. Về án phí DSST: ông Phạm Quốc T1 và bà Nguyễn Thị L phải nộp 10.260.000 đồng (Mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí DSST. Trả lại cho Ngân hàng N1, chi nhánh Đ1 4.721.000 đồng (bốn triệu bảy trăm hai mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006122 ngày 08/11/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- CC THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung

